

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Uyên chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Khu nhà ở Quang Phúc 2 tại phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã Tân Uyên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 06/5/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 166/TTr-STNMT ngày 09/6/2021 và Văn bản số 2346/STNMT-CCQLĐĐ ngày 22/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần bất động sản Tân Uyên chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Khu nhà ở Quang Phúc 2 đối với khu đất có diện tích 36.121,3m² (Chi tiết Phụ lục đính kèm), cụ thể như sau:

1. Chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp khác sang đất phi nông nghiệp với hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất:

a) Diện tích: 18.796,7m².

b) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị.

2. Chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp khác sang đất phi nông nghiệp với hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê:



a) Diện tích: 840,2m².

b) Mục đích sử dụng: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo.

3. Chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp khác sang đất phi nông nghiệp với hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất:

a) Diện tích: 16.484,4m².

b) Mục đích sử dụng:

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (*đất cây xanh*): 2.859,4m².

- Đất công trình công cộng khác (*đất cây xanh cách ly 770m² và đất cây xanh hàng lang bảo vệ rạch 827m²*): 1.597m².

- Đất công trình năng lượng (*đất trạm điện*): 68m².

- Đất thủy lợi (*đất trạm xử lý nước thải*): 71,3m².

- Đất giao thông (*đất giao thông 10.459,1m² và đất hành lang kỹ thuật 1.429,6m²*): 11.888,7m².

4. Thời hạn thực hiện dự án: Đến ngày 01 / 7 /2071.

5. Vị trí, địa điểm khu đất: Tại phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên (theo Bản đồ lồng ghép quy hoạch do Văn phòng Đăng ký đất đai xác lập ngày 28/7/2020).

6. Giá đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính: Theo quy định hiện hành.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho Công ty Cổ phần bất động sản Tân Uyên thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần bất động sản Tân Uyên sau khi đơn vị hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Chính lý hồ sơ địa chính.

4. Xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa.

Điều 3. Công ty Cổ phần bất động sản Tân Uyên có trách nhiệm:

1. Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí và lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

2. Quản lý dự án của mình đảm bảo dự án thực hiện đúng tiến độ đã đăng ký, sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới, diện tích.

3. Đối với diện tích 1.129,5m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ và 782,7m² đất thuộc hành lang bảo vệ mương suối: Thực hiện theo quy định của pháp luật về hành lang an toàn đường bộ và hành lang bảo vệ mương, suối.



4. Tổ chức thi công xây dựng cơ sở hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên phê duyệt.

5. Đến Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên để đăng ký biến động đất đai theo quy định.

6. Chậm nhất 12 tháng sau khi ký quyết định này và tiếp theo định kỳ 06 tháng, phải báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên.

7. Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, Giám đốc Công ty Cổ phần bất động sản Tân Uyên và Thủ trưởng các ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Website tỉnh;
- LĐVP (Lg, Th), Tn;
- Lưu: VT *uy*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH KHU NHÀ Ở QUANG PHÚC 2
KHU ĐẤT TẠI: PHƯỜNG VĨNH TÂN - THỊ XÃ TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: 1693/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên lô	Tờ bản đồ cũ	Tờ bản đồ mới	Thửa cũ	GCNQSDĐ SỐ:	Thửa mới	Diện tích (m2)	Tổng diện tích (m2)	Loại đất theo QH	Loại đất theo GCN
1	Nhà liên kế 1	43	43	107	CP 619813	163	1,348.4	5,455.0		
						165	243.5			
						168	880.0			
						180	1,859.6			
						182	880.0			
						183	243.5			
2	Nhà liên kế 2	43	43	107	CP 619813	166	519.0	519.0	Đất ở thương mại	
						192	302.5	519.0		
							216.5			
3	Nhà liên kế 3	43	43	107	CP 619813	167	519.0	4,558.0		
						172	880.0			
						174	880.0			
						187	880.0			
						189	880.0			
						193	519.0			
4	Nhà liên kế 4	43	43	107	CP 619813	194	999.9	1,137.6		
		42		62			137.7			
		42		62		196	412.0	1,188.0		
		43		107			776.0			
5	Nhà liên kế 5	43	43	107	CP 619813	157	647.5	1,634.9		
						161	987.4			
6	Nhà liên kế - NXH 1	43	43	107	CP 619813	169	880.0	3,520.0	Đất ở xã hội	
						171	880.0			
						184	880.0			
						185	880.0			
7	Nhà liên kế - NXH 2	43	43	107	CP 619813	162	265.2	265.2		
8	Trường mầm non	43	43	107	CP 619813	159	840.2	840.2	Trường mầm non	
9	Đất công viên cây xanh	43	43	107	CP 619813	176	2,214.7	2,214.7	Đất công viên cây xanh	đất nông nghiệp khác
10	Cây xanh	43	43	107	CP 619813	199	644.7	644.7	Đất công viên cây xanh	



11	Cây xanh cách ly (trạm xử lý nước thải)	43	43	107	CP 619813	190	770.0	770.0	Đất cây xanh cách ly (trạm xử lý nước thải)	
12	Cây xanh HLBV kênh rạch	43	43	107	CP 619813	178	827.0	827.0	Cây xanh HLBV kênh rạch	
14	Trạm xử lý nước thải	43	43	107	CP 619813	191	71.3	71.3	Trạm xử lý nước thải	
15	Hành lang kỹ thuật	43	43	107	CP 619813		158	79.9	1,429.6	Đất Hành lang kỹ thuật
				107			160	130.0		
				107			164	178.0		
				107			170	178.0		
				107			173	178.0		
				107			181	178.0		
				107			186	178.0		
				107			188	178.0		
				107			195	61.6		
				62			9.4			
				62			25.3			
				107			197	55.4		
16	Trạm điện	43	43	107	CP 619813		175	36.0	68.0	Trạm điện
							177	16.0		
							198	16.0		
17	giao thông	43	43	107	CP 619813	200	9,765.0	10,459.1	Đất giao thông	
				62			694.1			
18		43	43	107	CP 619813		1,129.5	1,129.5	Đất hàng lang an toàn đường bộ	
13	hàng lang bảo vệ mương suối	43	43	107	CP 619813	179	782.7	782.7	Đất hàng lang bảo vệ mương suối	
Tổng							38,033.5	38,033.5		

(NHK)